

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11-TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2026/HS-ST
Ngày: 17-9-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11- TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1 Ông Trần Minh Châu.

2. Ông Trang Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Hậu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11-Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 235/2026/TLHS-ST ngày 21 tháng 8 năm 2026; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2026/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 9 năm 2026 đối với bị cáo:

Lê Văn T, sinh năm 1975; tại tỉnh An Giang; nơi thường trú: Ấp T, xã Đ, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Không có; nơi ở hiện tại: Sống lang thang; nghề nghiệp: Nhật ve chai; trình độ học vấn: 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1 (đã chết) và bà Lê Thị P (đã chết); có vợ, con: chưa có; tiền án: Bản án số 103/2025/HSST ngày 11/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 12-Tây Ninh áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 173, Điều 38 BLHS xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 22/01/2026, chưa chấp hành án phí; tiền sự: Không có.

Bị cáo đang bị tạm giam từ ngày 18/6/2026 cho đến nay, bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Trần Văn T2, sinh năm 1975, cư trú tại: Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

- Người làm chứng:

1. Ông Võ Duy Q, sinh năm 1989, cư trú tại: Ấp P, xã G, tỉnh Tây Ninh.

2. Ông Đàm Văn N, sinh năm 1980, cư trú tại: Ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh.

Ông Q, ông N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T có 01 tiền án về tội "Trộm cắp tài sản" chưa được xóa án tích. Khoảng 02 giờ ngày 18/6/2026, Lê Văn T chuẩn bị 01 cây kéo bằng kim loại điều khiển xe đạp đi tìm kiếm tài sản của người dân để sơ hở trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Khi đến khu vực cầu S thuộc ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh phát hiện dọc theo ven thành bê tông đường S có lắp đặt dây điện của ông Trần Văn T2, sinh năm 1975 cư trú ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh không có người trông coi nên T lẻ lút dùng kéo cắt dây điện thành 22 đoạn rồi bỏ vào bao ni long cất giấu thì bị anh Đàm Văn N, sinh năm 1980 cư trú ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh và anh Võ Duy Q, sinh năm 1989 cư trú ấp P, phường G, tỉnh Tây Ninh phát hiện bắt quả tang (BL 45-46).

Kết luận định giá tài sản số 07, ngày 10/8/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự UBND xã T, tỉnh Tây Ninh kết luận: 22 đoạn dây điện loại Daphaco tổng chiều dài 81,49m, có trọng lượng 09kg đã qua sử dụng tại thời điểm giám định có giá trị 2.173.000 đồng (BL 26-27).

Quá trình điều tra Lê Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Kết quả thu giữ và xử lý vật chứng: Có bảng thống kê vật chứng kèm theo.

Về kê biên tài sản: Qua xác minh thể hiện Lê Văn T không có sở hữu tài sản nên Cơ quan điều tra không kê biên (BL 78).

Tại Cáo trạng số 140/CT-VKS-KV11 ngày 19 tháng 8 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Tây Ninh trình bày:

Giữ nguyên cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh truy tố bị cáo Lê Văn T về tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự, khung hình phạt từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Mong được giảm nhẹ hình phạt để trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị hại Trần Văn T2; người làm chứng Võ Duy Q, Đàm Văn N được Toà án tổng đạt hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, Hội đồng xét thấy việc vắng mặt của những người tham gia tố tụng trên không làm ảnh hưởng đến quá trình xét xử và nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 của Bộ luật Tố tụng hình sự vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hành vi của bị cáo thể hiện, tại phiên tòa, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định:

Vào lúc 02 giờ ngày 18/6/2026, tại ấp E, xã T, tỉnh Tây Ninh Lê Văn Tuấn có hành vi trộm cắp 81,49 m dây điện có giá trị 2.173.000 đồng của ông Trần Văn T2 thì bị phát hiện bắt quả tang.

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đúng như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy, có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Vụ án mang tính chất ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức rõ việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu xài mà không phải tốn công sức cực nhọc nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu đã từ bị xử phạt về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên ý thức của bị cáo là xem thường pháp luật nên cần phải có mức án tương xứng để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội.

[5] Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét toàn diện các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo bị xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 22/01/2026, chưa chấp hành án phí theo Bản án số 103/2025/HSST ngày 11/11/2025 của Toà án nhân dân khu vực 12-Tây Ninh chưa được xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội nên hành vi của bị cáo là tái phạm do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng tại Điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

- Tình tiết giảm nhẹ: trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Qua điều tra, xác minh bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

[7.1] Về trách nhiệm dân sự: Ông Trần Văn T2 đã nhận lại tài sản bị mất trộm không có yêu cầu bị cáo bồi thường và có yêu cầu vắng mặt do đó Hội đồng xét xử ghi nhận, không đặt ra giải quyết.

[7.2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Đối với 01 (một) xe đạp bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Đối với 01 (một) bao nylon màu trắng; 01 (một) cây kéo bằng kim loại bị cáo sử dụng trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu huỷ.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Lê Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn hình phạt tù tính từ ngày 18/6/2026.

2. Các biện pháp tư pháp:

2.1. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Ghi nhận ông Trần Văn T2 không yêu cầu bồi thường.

2.2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu, tiêu huỷ: 01 (một) bao nylon màu trắng; 01 (một) cây kéo bằng kim loại.

- Tịch thu, sung vào ngân sách nhà nước: 01 (một) xe đạp.

3. Về án phí: Bị cáo Lê Văn T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT.TANDTC (Vụ 1);
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND cùng cấp;
- Công an tỉnh Tây Ninh (PV06);
- Cơ quan Thi hành án Hình sự;
- Phòng THADS khu vực 11-Tây Ninh;
- Phân trại tạm giam Tân Châu;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh